

Bản án số: 710/2017/HNGĐ-ST
Ngày 22 tháng 9 năm 2017
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Kim Hồng;

2/ Ông Mai Trọng Thắng.

Thư ký phiên tòa: ông Đào Tấn Sang – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7-
Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham
gia phiên tòa:*** bà Nguyễn Thị Xuân Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ
thẩm công khai vụ án thụ lý số 226/2017/HN-ST ngày 03 tháng 5 năm 2017 về tranh
chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 212/2017/QĐXXST-HNGĐ
ngày 29 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông LVT, sinh năm 1979 (yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà DNB, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường A, khu phố B, phường C, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/4/2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ
án ông LVT nguyên đơn trình bày:

Ông và bà B tìm hiểu 01 năm thì tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết
hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 20, quyển số 01/99 ngày 02/4/1999 do Ủy ban
nhân dân phường L, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên nguyện vọng của ông là:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà B.
- Về con chung: ông xác định có 02 con chung:

LNPT (nữ), sinh ngày 30/7/1997 (đã trưởng thành);

LNMT (nữ), sinh ngày 30/8/2000

Sau khi ly hôn ông là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ LNMT. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: ông xác nhận không có.

-Về nợ chung: ông xác nhận không có.

Tòa án đã nhiều lần thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bà B không trình bày ý kiến.

* Ý kiến của Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Tòa án thực hiện đúng về thời hạn chuẩn bị xét xử. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành theo quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Bị đơn bà DNB, sinh năm 1978 có hộ khẩu tại đường A, khu phố B, phường C, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bà DNB. Tuy nhiên, bà B không đến Tòa án, không trình bày ý kiến, Tòa án không tiến hành hoà giải được, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà B theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông LVT có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Ông T và bà B tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 1999 (Giấy chứng nhận kết hôn số 20, quyển số 01/99 ngày 02/4/1999 do Ủy ban nhân dân phường L, quận H,

Thành phố Hồ Chí Minh cấp) nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, vì vậy được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[1]- Về quan hệ hôn nhân:

Tại bản khai ngày 21/6/2017 nguyên đơn trình bày: ông và bà B chung sống hạnh phúc được 15 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng ý kiến, bà B thiếu trách nhiệm gia đình, không quan tâm đến các con. Vợ chồng ly thân đến nay đã được 04 năm. Tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, nguyện vọng của ông là được ly hôn.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà B không đến, không có văn bản trình bày ý kiến của mình nên phải gánh chịu hậu quả của việc không tuân thủ nghĩa vụ có mặt theo quy định của pháp luật.

Theo Phiếu yêu cầu xác minh số 87/2017/PYCXM ngày 26/6/2017 của Tòa án nhân dân Quận 7, Hội liên hiệp Phụ nữ phường C, Quận 7 trả lời kết quả như sau: “Ở địa phương ông T, bà B có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, nhưng không gây gổ làm mất trật tự địa phương, hiện nay ông T và bà B đã ly thân, ...”;

Hội đồng xét xử xét thấy trong quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà B do bất đồng quan điểm nên vợ chồng mâu thuẫn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Ông T có nguyện vọng ly hôn, xét thấy yêu cầu của ông T là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]- Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 148, quyền số 1/97 do Ủy ban nhân dân phường L, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/12/1997 và Giấy khai sinh số 157, quyền số 1/2000 do Ủy ban nhân dân phường L, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/9/2000 đã có đủ cơ sở để xác định bà B và ông T có 02 con chung là: LNPT (nữ), sinh ngày 30/7/1997 (đã trưởng thành); LNMT (nữ), sinh ngày 30/8/2000

Sau khi ly hôn ông T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng trẻ LNMT; không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy trẻ LNMT có nguyện vọng được sống với cha, thực tế hiện ông T đang nuôi dưỡng trẻ nên Hội đồng xét xử giao trẻ LNMT cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông T không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông T.

Bà B được quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục các con chung, không ai được cản trở bà B thực hiện quyền và nghĩa vụ này. Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[3]- Tài sản chung: Ông T xác nhận không có.

- Nợ chung: Ông T xác nhận không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227 Bộ Luật Tố Tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ quy định tại Luật phí và lệ phí;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân:

Cho ly hôn giữa ông LVT và bà DNB (Giấy chứng nhận kết hôn số 20, quyền số 01/99 ngày 02/4/1999 do Ủy ban nhân dân phường L, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

2/ Về con chung: ông T, bà B có 02 con chung tên LNPT (nữ), sinh ngày 30/7/1997 (đã trưởng thành); LNMT (nữ), sinh ngày 30/8/2000,

Giao con chung LNMT cho ông LVT trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông LVT không yêu cầu bà DNB cấp dưỡng nuôi con.

Bà B được quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục các con chung, không ai được cản trở bà B thực hiện quyền và nghĩa vụ này. Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Tài sản chung: Ông T xác nhận không có.

- Nợ chung: Ông T xác nhận không có.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông LVT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/07787 ngày 03/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Vậy ông LVT đã nộp đủ án phí.

5/ Ông LVT, bà DNB vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TpHCM ;
- Viện kiểm sát nhân dân Q7;
- Chi cục THA Dân sự Q7;
- Mỗi đương sự
- Lưu, hồ sơ.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Bích Thảo